

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTCN

Lạng Sơn, ngày tháng 11 năm 2025

V/v triển khai thực hiện một số
Nghị định của Chính phủ quy
định về thực hiện dự án theo
phương thức đối tác công tư

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các phường, xã;
- Các Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án.

Triển khai thực hiện các Nghị định của Chính phủ: số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, số 257/2025/NĐ-CP ngày 08/10/2025 quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao; Công văn số 13973/BTC-PTHT ngày 09/9/2025 của Bộ Tài chính về trả lời kiến nghị của tỉnh Lạng Sơn liên quan đến cơ chế quản lý tài chính các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các phường, xã; các Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án quán triệt tổ chức thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15; các Nghị định của Chính phủ: số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư¹, số 257/2025/NĐ-CP ngày 08/10/2025 quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao.

¹Kể từ ngày ngày 11/9/2025, Nghị định số 243/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành: Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư hết hiệu lực thi hành, trừ quy định tại Điều 90 và các khoản 12, 13, 14, 15, 16 Điều 91 của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. Bãi bỏ Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Bãi bỏ Điều 8 của Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

2. Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ quy định một số điểm mới gồm: xác định cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng (Điều 6); thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh (khoản 3, khoản 4, khoản 5, Điều 7); thẩm quyền, trình tự phê duyệt dự án PPP quy định (Điều 17); Quy định cụ thể về các Dự án áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (Điều 57); quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt tương ứng với từng nhóm dự án (Điều 58);

Điều 80 Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ hướng dẫn chuyển tiếp tại Luật PPP như sau:

“1. Dự án PPP đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư (bằng văn bản riêng hoặc trong quyết định phê duyệt quy hoạch, kế hoạch) hoặc phê duyệt đề xuất dự án trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 cần thay đổi mục tiêu, địa điểm, quy mô, loại hợp đồng dự án PPP, tăng tổng mức đầu tư từ 10% trở lên, tăng giá trị vốn nhà nước trong dự án PPP trong trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 18 của Luật PPP thì thực hiện việc điều chỉnh theo quy định như sau:

a) Cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh là cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này;

b) Trình tự, thủ tục điều chỉnh thực hiện theo quy định của Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này.

2. Dự án PPP đã tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi điều chỉnh nhưng đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 chưa trình thẩm định hoặc chưa thành lập Hội đồng thẩm định hoặc đã thành lập Hội đồng thẩm định nhưng chưa triển khai nhiệm vụ thẩm định thì thực hiện chuyển tiếp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 của Luật số 90/2025/QH15.

3. Dự án PPP đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và đang tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi nhưng đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 chưa trình phê duyệt thì thực hiện trình tự, thủ tục tiếp theo theo quy định tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này. Trường hợp đã thành lập hội đồng thẩm định thì thực hiện chuyển tiếp theo một trong hai trường hợp sau:

a) Tiếp tục giao Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi. Trình tự, nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này;

b) Giải thể Hội đồng thẩm định và giao một cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định của Nghị định này.

4. Đối với dự án PPP ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư là đàm phán cạnh tranh nhưng đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 chưa phát hành hồ sơ mời đàm phán thì thực hiện chuyển tiếp theo một trong hai trường hợp sau:

a) Tiếp tục thực hiện theo quyết định chủ trương đầu tư để thực hiện quy trình đàm phán cạnh tranh theo quy định của Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này. Nhà đầu tư được lựa chọn tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi để trình cấp có thẩm quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định tương ứng tại khoản 6 Điều 26 của Nghị định này, làm căn cứ đàm phán, hoàn thiện, ký kết và công khai hợp đồng dự án theo quy định tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này;

b) Tổ chức lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này.

5. Dự án PPP đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án nhưng đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 chưa phát hành hồ sơ mời thầu hoặc đã phát hành hồ sơ mời thầu mà không lựa chọn được nhà đầu tư thì thực hiện chuyển tiếp theo một trong hai trường hợp sau:

a) Tiếp tục thực hiện theo quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án;

b) Rà soát, điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi (trong đó gồm cập nhật hình thức lựa chọn nhà đầu tư) theo quy định của Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này. Cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt điều chỉnh là cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án theo quy định tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này.

6. Dự án PPP đã tổ chức khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư, bên cho vay nhưng đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 chưa phê duyệt dự án thì cập nhật báo cáo nghiên cứu khả thi (trong đó gồm xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư) và thực hiện trình tự, thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án theo quy định tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này.

7. Dự án PPP đã có hồ sơ mời thầu được phát hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 và đã mở thầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo hồ sơ mời thầu đã phát hành. Việc đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này.

8. Dự án PPP đã có hồ sơ mời thầu được phát hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 nhưng đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành chưa đóng thầu thì cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định chuyển tiếp theo một trong ba trường hợp sau:

- a) Tiếp tục mở thầu và thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều này;
- b) Hủy thông báo mời thầu và thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;
- c) Hủy thông báo mời thầu và sửa đổi hồ sơ mời thầu theo quy định tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này.

9. Dự án PPP đã mở thầu nhưng đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 chưa phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thì bên mời thầu có trách nhiệm trình, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư căn cứ hồ sơ dự thầu, hồ sơ mời thầu đã phát hành. Việc trình, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư; đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này, bảo đảm không dẫn đến điều chỉnh chủ trương đầu tư và báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt.

10. Dự án PPP đã có kết quả lựa chọn nhà đầu tư được phê duyệt nhưng đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 chưa đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì cơ quan ký kết hợp đồng có trách nhiệm tổ chức đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ dự thầu, hồ sơ mời thầu và quy định của Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này, bảo đảm không dẫn đến điều chỉnh chủ trương đầu tư và báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt, trừ quy định tại khoản 11 Điều này.

11. Dự án PPP đã có kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc đã được cấp có thẩm quyền xác định nhà đầu tư theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 mà đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 chưa hoàn thiện thủ tục ký kết hợp đồng dự án PPP thì đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng dự án theo trình tự quy định tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này, bảo đảm không dẫn đến điều chỉnh chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi đã được phê duyệt. Việc đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng dự án được thực hiện trên cơ sở:

- a) Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với dự án PPP đã tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo pháp luật về đấu thầu;
- b) Cam kết hoặc chấp thuận bằng văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về ưu đãi, bảo đảm đầu tư và các nội dung khác liên quan đến thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ban hành các văn bản cam kết, chấp thuận;

c) Hợp đồng dự án được ký tắt hoặc thỏa thuận đầu tư được ký theo quy định của pháp luật tại thời điểm ký tắt hoặc ký thỏa thuận. Trong trường hợp này, các bên thỏa thuận về việc đàm phán hoặc không đàm phán lại các nội dung tại hợp đồng dự án được ký tắt hoặc thỏa thuận đầu tư được ký.

12. Dự án đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được tiếp tục thực hiện theo nội dung quy định tại giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp dự án thuộc trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, các bên thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, sửa đổi hợp đồng dự án phù hợp với quy định tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15), Nghị định này và pháp luật có liên quan mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp hợp đồng dự án sau khi sửa đổi có nội dung khác với giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cấp thì các bên thực hiện theo hợp đồng sửa đổi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các sửa đổi đó.

13. Hợp đồng dự án PPP được ký kết trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án; trường hợp cần sửa đổi, bổ sung nội dung của hợp đồng dự án mà pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng không có quy định hoặc cần sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án để bảo đảm hiệu quả dự án thì các bên được thỏa thuận sửa đổi, bổ sung theo quy định của Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15), Nghị định này và pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

14. Hợp đồng dự án PPP đã ký kết theo quy định của Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15) và Nghị định số 35/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 71/2025/NĐ-CP) trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung của hợp đồng dự án mà dẫn đến thay đổi mục tiêu, địa điểm, quy mô, loại hợp đồng dự án PPP, tăng tổng mức đầu tư từ 10% trở lên, tăng giá trị vốn nhà nước trong dự án PPP thì thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tại Luật PPP (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này trước khi sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án.

15. Trong thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc triển khai dự án PPP thực hiện theo quy định của Luật PPP (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) và các nội dung của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 71/2025/NĐ-CP), văn bản hướng dẫn có liên quan còn phù hợp với quy định của Luật PPP (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15).

16. Trong thời gian các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định này chưa có hiệu lực thi hành, tổ chức, cá nhân có liên quan được áp dụng các văn bản hướng dẫn quy định chi tiết Luật PPP (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều

theo Luật số 57/2024/QH15) để chỉnh sửa, bổ sung nội dung hồ sơ và các tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện dự án PPP, lựa chọn nhà đầu tư cho phù hợp với quy định của Luật PPP (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15) và Nghị định này.

17. Đối với dự án do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trường hợp sắp xếp đơn vị hành chính, cơ quan, tổ chức, đơn vị được hình thành sau sắp xếp tiếp nhận hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng dự án để tiếp tục thực hiện dự án; kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm quy định tại hợp đồng dự án của cơ quan, tổ chức, đơn vị trước khi sắp xếp, sửa đổi hợp đồng dự án trong trường hợp cần thiết, bảo đảm triển khai dự án, hợp đồng dự án bình thường, liên tục, thông suốt.”

3. Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08/10/2025 của Chính phủ quy định về toàn bộ quy trình của dự án BT, từ giai đoạn chuẩn bị, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết và thực hiện hợp đồng, đến cơ chế thanh toán và chuyển giao công trình. Quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, và quyết định chủ trương đầu tư cho các dự án BT. Phân loại cơ chế thanh toán thành ba hình thức chính: thanh toán bằng ngân sách nhà nước, thanh toán bằng quỹ đất và thanh toán kết hợp cả quỹ đất và ngân sách nhà nước, cung cấp các quy định cụ thể cho từng hình thức. Thiết lập các nguyên tắc và điều kiện xác định quỹ đất thanh toán, bao gồm việc giá trị quỹ đất phải tương đương hoặc chênh lệch tối đa 10% so với tổng mức đầu tư công trình dự án BT. Đưa ra cơ chế bù trừ chênh lệch giữa giá trị công trình dự án BT quyết toán và giá trị quỹ đất thanh toán thực tế, áp dụng cho cả trường hợp thanh toán một lần và thanh toán nhiều lần. Hướng dẫn rõ ràng về các hình thức lựa chọn nhà đầu tư (đấu thầu rộng rãi, đàm phán cạnh tranh, chỉ định thầu, trường hợp đặc biệt) và các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu về năng lực, kỹ thuật và tài chính - thương mại.

Do đó, hiện nay việc xác định chi phí khác sau giai đoạn xây dựng trong giá trị công trình dự án BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước² đã được quy định tại Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08/10/2025 của Chính phủ. Như vậy, ngoài chi phí lãi vay, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư, các bên ký kết hợp đồng phải thỏa thuận cụ thể tại hợp đồng dự án các chi phí phát sinh khác sau giai đoạn xây dựng để làm cơ sở xác định giá trị công trình dự án BT.

4. Về nguyên tắc quyết toán dự án PPP hoàn thành³: Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định:

² Tại tiết b khoản 23 Điều 2 Luật số 90/2025/QH15 quy định: “Thanh toán bằng ngân sách nhà nước từ nguồn vốn đầu tư công hoặc từ nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản công và được hạch toán thu, hạch toán chi ngân sách nhà nước. Giá trị công trình dự án BT gồm tổng mức đầu tư xây dựng công trình được xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng và các chi phí khác sau giai đoạn xây dựng, trong đó có lãi vay sau giai đoạn xây dựng, lợi nhuận hợp lý của nhà đầu tư.”

³ Tại khoản 2 Điều 60 Luật PPP số 64/2020/QH14 quy định: “Giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc giá trị quyết toán vốn đầu tư đối với dự án không có cấu phần xây dựng được xác định căn cứ hợp đồng đã ký kết”. Đồng thời, khoản 2 Điều 61 quy định: “Trường hợp doanh nghiệp dự án PPP hoàn thành giai đoạn xây dựng trước thời hạn hoặc tiết kiệm được chi phí đầu tư thì việc xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng không ảnh hưởng đến thời hạn hợp đồng hoặc mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công

“Nguyên tắc xác định quyết toán các khoản chi phí huy động vốn, chi phí dự phòng, chi phí mà doanh nghiệp dự án PPP tiết kiệm được theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật PPP và các chi phí phát sinh phải được quy định cụ thể trong hợp đồng dự án PPP, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan”. Vì vậy, nguyên tắc quyết toán các khoản mục chi phí huy động vốn, chi phí dự phòng, chi phí mà doanh nghiệp dự án PPP tiết kiệm do cơ quan ký kết hợp đồng và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án thỏa thuận và được quy định cụ thể trong hợp đồng dự án PPP.

Theo Công văn số 13973/BTC-PTHT ngày 09/9/2025 của Bộ Tài chính về việc trả lời kiến nghị của tỉnh Lạng Sơn: hiện nay, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và cơ chế thanh toán, quyết toán đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT (thay thế Nghị định số 28/2021/NĐ-CP). Dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa nguyên tắc quyết toán dự án PPP hoàn thành tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.

5. Định kỳ hằng năm (chậm nhất ngày 31/01 năm sau), các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, nhà đầu tư/doanh nghiệp dự án, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đầu tư theo phương thức PPP của năm về Sở Tài chính để tổng hợp xây dựng báo cáo của UBND tỉnh gửi Bộ Tài chính theo quy định.

Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh, các Phòng: TH, KTTH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(VAT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Hữu Học

được xác định tại hợp đồng”. Luật số 90/2025/QH15 (khoản 28 Điều 2) đã sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 60 Luật số 64/2020/QH15 như sau: “...Đối với dự án PPP áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi hoặc đàm phán cạnh tranh để lựa chọn nhà đầu tư, giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hoặc giá trị quyết toán vốn đầu tư đối với dự án không có cấu phần xây dựng được xác định căn cứ hợp đồng đã ký kết. Đối với dự án PPP áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư hoặc lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt để lựa chọn nhà đầu tư, thời hạn hợp đồng sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán trong trường hợp giá trị quyết toán thấp hơn so với giá trị hợp đồng”.

**DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN ĐẾN NHÀ ĐẦU TƯ, DOANH
NGHIỆP DỰ ÁN**

1. Công ty cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng: Số 22, Đình Liệt, Phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
2. Công ty TNHH BT Lộc Bình: Số 42B, khu Bản Kho, Xã Lộc Bình, Tỉnh Lạng Sơn
3. Công ty Cổ phần xây dựng Thành Sơn: Số 170, đường Ngô Quyền, Phường Đông Kinh, Tỉnh Lạng Sơn
4. Công ty Cổ phần Thương mại Long Thịnh: Thôn Hoàng Tân, Phường Tam Thanh, Tỉnh Lạng Sơn
5. Công ty Cổ phần đầu tư Bác Nguyên Lạng Sơn: Số 125 Trần Đăng Ninh, Phường Tam Thanh, Tỉnh Lạng Sơn